TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ST** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*ST, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990;

Anh Ngô Hữu P, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn HRL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị T và anh Ngô Hữu P đã thật sự tự nguyện ly hôn.

[2] Chị Bùi Thị T và anh Ngô Hữu P đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Hữu P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh P có hai người con chung tên là cháu Ngô Bùi Trúc T; sinh ngày 04/12/2014 và Ngô Hữu Tiến P; sinh ngày 15/5/2016. Khi ly hôn

chị T và anh P thỏa thuận giao cả hai cháu Ngô Bùi Trúc T và cháu Ngô Hữu Tiến P cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* đối với cháu Ngô Hữu Tiến P; sinh ngày 15/5/2016 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ vay chung: Chị Bùi Thị T và anh Ngô Hữu P đều trình bày không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình chị Bùi Thị Tvà anh Ngô Hữu P thống nhất chịu 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị T, anh P đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004996 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, Quảng Ngãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. ST;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS H.ST;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Ngọc Thông